

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 5-VĨNH LONG
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 155/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 24-6-2026

V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi
con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - VĨNH LONG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Minh Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lương Thị Thanh Nguyên

2. Bà Nguyễn Thị Trúc Giang

- Thư ký phiên tòa: Bà Tạ Nguyễn Gia Hân – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5-Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Vĩnh Long tham gia phiên tòa:
Bà Võ Thị Minh Thi – Kiểm sát viên

Vào ngày 24 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 5 - Vĩnh Long, xét xử công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 368/2026/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2026 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 170/2026/QĐST-DS ngày 05 tháng 6 năm 2026 giữa:

- Nguyên đơn: Bà Thái Thị Thanh T, sinh năm 1996; Số CCCD: 083196007406; Nơi cư trú: Số B, ấp H, xã L, tỉnh Vĩnh Long.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Trần Duy K, sinh năm 1996; Số CCCD: 083096010848; Nơi cư trú: Số B, khu phố A, phường S, tỉnh Vĩnh Long.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Trần Nhật Long H – Văn phòng L thuộc Đoàn luật sư tỉnh V.

Tất cả có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày:

Bà T và ông Nguyễn Trần Duy K kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, thành phố B, tỉnh Bến Tre (nay là phường S, tỉnh Vĩnh Long) vào năm 2024. Quá trình chung sống hạnh phúc được thời gian đầu; sau đó thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không còn tiếng nói chung và đã sống ly thân. Bà T đã tìm nhiều cách để hàn gắn tình cảm nhưng không có kết quả. Do không còn tình cảm với ông K nên bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà T được ly hôn với ông Nguyễn Trần Duy K, bà T không yêu cầu cấp dưỡng vợ chồng sau khi ly hôn.

Về con chung: Bà Thái Thị Thanh T yêu cầu nuôi 01 con chung tên Nguyễn Vĩnh T1, sinh ngày 03/01/2025. Tại phiên tòa, bà T đồng ý yêu cầu ông Nguyễn Trần Duy K cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung tròn 18 tuổi. Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu nuôi con của bị đơn, bà T đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo văn bản trình bày ý kiến, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Trần Duy K trình bày:

Ông K thống nhất lời trình bày của nguyên đơn về thời gian kết hôn, đăng ký kết hôn và mâu thuẫn vợ chồng. Do không còn tình cảm với bà T nên ông K đồng ý ly hôn với bà T, ông K không yêu cầu cấp dưỡng vợ chồng sau khi ly hôn.

Về con chung: Ông K yêu cầu được nuôi 01 con chung tên Nguyễn Vĩnh T1, sinh ngày 03/01/2025, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu nuôi con của nguyên đơn, ông K đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Đề nghị Tòa án ghi nhận thỏa thuận thuận tình ly hôn của bà Thái Thị Thanh T với ông Nguyễn Trần Duy K. Ghi nhận bà T, ông K không yêu cầu cấp dưỡng vợ chồng sau khi ly hôn.

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Thái Thị Thanh T được nuôi 01 con chung tên Nguyễn Vĩnh T1, sinh ngày 03/01/2025, ông Nguyễn Trần Duy K cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Ghi nhận về tài sản chung, nợ chung hai bên đương sự khai không có

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 – Vĩnh Long tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn, bị đơn tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào các Điều 55; 56; 81; 82; 83; 84 của Luật Hôn nhân và gia đình: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Thái Thị Thanh T đối với ông Nguyễn Trần Duy K. Về con chung: Bà Thái Thị Thanh T được nuôi 01 con chung tên Nguyễn Vĩnh T1, sinh ngày 03/01/2025, ông Nguyễn Trần Duy K tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 2.000.000 đồng từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung tròn 18 tuổi. Về tài sản chung, về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí hôn nhân gia đình bà Thái Thị Thanh T tự nguyện chịu là 150.000 đồng do bà T và ông K đã thỏa thuận thuận tình ly hôn trước khi mở phiên tòa. Về án phí cấp dưỡng nuôi con: ông Nguyễn Trần Duy K phải chịu là 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng, quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông Nguyễn Trần Duy K có nơi cư trú tại khu phố A, phường S, tỉnh Vĩnh Long nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5-Vĩnh Long theo quy định tại Điều 35; Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Thái Thị Thanh T và ông Nguyễn Trần Duy K kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, thành phố B, tỉnh Bến Tre (nay là phường S, tỉnh Vĩnh Long) vào năm 2024 là phù hợp với quy định của Luật Hôn nhân và gia đình nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Bà T khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông K. Quá trình giải quyết vụ án, bà T cương quyết yêu cầu ly hôn. Ông Nguyễn Trần Duy K đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà T. Điều này

cho thấy bà T và ông K đã từ bỏ mối quan hệ hôn nhân này, không thể hiện mong muốn được đoàn tụ vợ chồng, việc hàn gắn tình cảm cho bà T và ông K không có kết quả, mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng của bà T và ông K đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ vợ chồng. Hội đồng xét xử sự thuận tình ly hôn của bà Thái Thị Thanh T với ông Nguyễn Trần Duy K. Bà T, ông K tự nguyện không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ và chồng sau ly hôn nên ghi nhận.

[4] Về con chung: Bà T và ông K có 01 con chung tên Nguyễn Vĩnh T1, sinh ngày 03/01/2025. Hiện tại, cháu Nguyễn Vĩnh T1 **đang sống cùng ông K**. Bà Thái Thị Thanh T và ông Nguyễn Trần Duy K yêu cầu được nuôi con chung. Để chứng minh điều kiện nuôi con, bà T đã cung cấp các bảng lương, hồ sơ khám sức khỏe; ông K cung cấp bảng lương, đơn thuốc và siêu âm tim của bà T (bản photo) năm 2023. Xét việc giao con cho ai nuôi cần xem xét mọi mặt về điều kiện vật chất và tinh thần, sự phát triển bình thường của đứa trẻ. Bản thân bà T có đủ sức khỏe, có công việc và thu nhập ổn định đảm bảo việc nuôi con. Mặt khác, cháu Nguyễn Vĩnh T1 hiện nay chưa đủ 36 tháng tuổi. Để đảm bảo việc phát triển bình thường về vật chất, tâm lý và tinh thần cũng như ổn định về điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc cho con chung nên buộc ông K giao con chung là Nguyễn Vĩnh T1, sinh ngày 03/01/2025 cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Ông K có công việc thu nhập ổn định. Căn cứ bảng lương do ông K cung cấp thể hiện thu nhập trung bình của ông K một tháng hơn 10.000.000 đồng, ông K tự nguyện đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 2.000.000 đồng, bà T đồng ý mức cấp dưỡng mỗi tháng 2.000.000 đồng, thỏa thuận về cấp dưỡng nuôi con chung của đương sự là phù hợp quy định pháp luật nên ghi nhận.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Bà T, ông K khai không có nên không xét đến.

[6] Quan điểm của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Do bà T và ông K đã thỏa thuận thuận tình ly hôn trước khi mở phiên tòa nên án phí hôn nhân gia đình là 150.000 đồng, bà T tự nguyện chịu nên ghi nhận. Về án phí cấp dưỡng nuôi con chung ông K phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 55; 56; 81; 82; 83; 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 273; Điều 278 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 26; 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Bà Thái Thị Thanh T và ông Nguyễn Trần Duy K thuận tình ly hôn. Ghi nhận bà Thái Thị Thanh T, ông Nguyễn Trần Duy K không yêu cầu cấp dưỡng cho vợ chồng sau khi ly hôn.

2. Về con chung: Ông Nguyễn Trần Duy K có nghĩa vụ giao con chung là Nguyễn Vĩnh T1, sinh ngày 03/01/2025 cho bà T2 Nguyễn Thanh T3 tiếp tục nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Trần Duy K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho bà Thái Thị Thanh T mỗi tháng là 2.000.000 (Hai triệu) đồng từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, đồng thời có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 cho đến khi thi hành xong.

Ông Nguyễn Trần Duy K được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chung sau này, một hoặc cả hai bên hoặc cơ quan tổ chức có thẩm quyền có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Thái Thị Thanh T, ông Nguyễn Trần Duy K khai không có nên không xét đến.

4. Về án phí Hôn nhân và gia đình (thuận tình ly hôn) sơ thẩm: Bà Thái Thị Thanh T tự nguyện chịu là 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai tạm ứng án phí số 0007409 ngày 20/4/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long. Bà Thái Thị Thanh T được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng.

5. Về án phí cấp dưỡng nuôi con: Ông Nguyễn Trần Duy K có nghĩa vụ nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- THADS tỉnh Vĩnh Long
- VKSND Khu vực 5-Vĩnh Long;
- UBND phường Sơn Đông;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Huỳnh Minh Hiền